
Việt Trì, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Số: 117/2018/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 150/2018/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị T** - Sinh năm 1992

ĐKHKTT: Tổ X, khu Y, phường N, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay ở: Tổ A khu B phường D, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Lê Thành T** - Sinh năm 1983

ĐKHKTT: Tổ X, khu Y, phường N, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị T và anh Lê Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 14/02/2009 cho anh Lê Thành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lưu Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000đ (một triệu đồng)/1tháng, kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Hai bên đều xác định không có gì nên không đề nghị tòa án giải quyết.

*Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị T xin chịu cả 150.000đ; án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Chị Lưu Thị T chịu 150.000 đồng (xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000 4899 ngày 05/4/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND Tp, tỉnh;
- UBND phường N.
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Liên